TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HS-ST
Ngày 21-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2021/TLST-HS, ngày 25 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/HSST-QĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. BDH, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1984 tại Hải Dương; ĐKNKTT và trú tại: Số C, khu D, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH NLQ2; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E (đã chết) và bà F; có vợ là G, có hai con: Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 09-11-2020 đến ngày 16-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

2. LTTH, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1982 tại Phú Thọ; ĐKNKTT và trú tại: Số H, I, xã J, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L và bà M; có chồng là N; có hai con: Con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 09-11-2020 đến ngày 16-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

3. NTL, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1988 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Thôn 2, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Phòng Q, khu đô thị J, xã J,

huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông R (đã chết) và bà S; có chồng là T (đã ly hôn); có hai con: Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 09-11-2020 đến ngày 16-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị NLQ1; địa chỉ: Số U, khu V, phường W, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Công ty TNHH NLQ2; địa chỉ trụ sở: Số nhà 247, đường A, phường W, quận B, thành phố Hải Phòng; người đại diện hợp pháp: Anh BDH, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số C, khu D, phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Công ty TNHH NLQ3; địa chỉ trụ sở: Số nhà 56, đường A, phường W, quận B, thành phố Hải Phòng; người đại diện hợp pháp: Anh X, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm Y, xã Z, huyện AA, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh NLC; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09-11-2020 qua kiểm tra hành chính, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng phát hiện và thu giữ trong người anh NLC (sinh năm 1992, đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã V, huyện AB, Hải Phòng) làm nghề xe ôm tại số 03, đường AC, quận AD, Hải Phòng 03 (ba) tờ hóa đơn giá trị gia tăng liên 02, số: 1149, 1154 và 1161 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn NLQ2 (sau đây gọi tắt là Công ty NLQ2) xuất bán cho Công ty AE. Anh NLC khai nhận có một người đàn ông (hiện chưa xác định được nhân thân và lai lịch) thuê anh NLC mang đến Bến xe AF, phường W, quận B gặp một người phụ nữ không quen biết (hiện chưa xác định được nhân thân và lai lịch) để nhận ba tờ hóa đơn giá trị gia tăng và tài liệu kèm theo thì sẽ được trả công 50.000 *(năm mươi nghìn)* đồng/01 lượt. Khi anh NLC đến Bến xe AF gặp người phụ nữ trên thì người này nói anh NLC đến số 56, đường A, phường W, quận B để nhận hóa đơn giá trị gia tăng. Căn cứ vào lời khai của anh NLC, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đưa anh NLC đến địa chỉ số 56, đường A, phường W, quận B để kiểm tra thì bắt quả tang NTL đang giao 04 (bốn) hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung hàng hóa dịch vụ cho chị NLQ1 (sinh năm 1981, đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 16/153, khu V, phường W, quận B), thu giữ: 01 (một) tờ hóa đơn giá trị gia tăng liên 02, số 308 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn NLQ3 (sau đây gọi tắt là Công ty NLQ3) xuất bán cho Công ty AG, 03 (ba) tờ hóa đơn giá trị gia tăng liên 02, các số: 1144, 1151 và 1159 của Công ty NLQ2 xuất bán cho Công ty AE và số tiền 14.650.000 *(mười bốn triệu sáu trăm năm mười nghìn)* đồng. Cùng ngày, BDH và LTTH đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng đầu thú về hành vi Mua bán trái phép hóa đơn.

Quá trình điều tra làm rõ: NTL là kế toán nội bộ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn AH (sau đây gọi tắt là Công ty AH), địa chỉ trụ sở: Số 25, tổ 60, cụm 6, phường AI, quận AJ, Hải Phòng. NTL làm việc tại cửa hàng của Công ty AH tại số 56, đường A, phường W, quận B (cạnh trụ sở Công ty NLQ3). Quá trình làm việc NTL quen biết BDH là Giám đốc Công ty NLQ2, địa chỉ trụ sở: Số 247, A, B, Hải Phòng. Em trai của BDH là X, địa chỉ: Xóm Y, xã Z, huyện AA, tỉnh Hải Dương là Giám đốc Công ty NLQ3, địa chỉ trụ sở: Số 56, đường A, phường W, quận B. Từ khoảng tháng 3 năm 2019 do BDH bị ốm nên đã ủy quyền cho BDH điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty NLQ3. Công ty NLQ2 và Công ty NLQ3 kinh doanh hàng hóa có thật, ngành nghề đăng ký hoạt động kinh doanh hàng hóa dịch vụ vật tư kim khí công nghiệp, vật tư ngành nước. BDH thuê LTTH làm kế toán nội bộ cho Công ty NLQ2 và Công ty NLQ3. LTTH chịu trách nhiệm bán hàng, giao dịch ngân hàng, viết hóa đơn và được BDH trả lương 6.000.000 *(sáu triệu)* đồng/tháng.

Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty NLQ2 và Công ty NLQ3, do có nhiều khách đến mua hàng tại cửa hàng không lấy hóa đơn giá trị gia tăng do đó hai Công ty NLQ2 và Công ty NLQ3 thừa một lượng hóa đơn dẫn đến hàng hóa tồn kho so với hàng hóa đã xuất bán không khớp nhau gây khó khăn kê khai thuế. Vì vậy, từ khoảng tháng 6-2019 BDH đã nảy sinh ý định và bắt đầu bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng để thu lời bất chính.

NTL biết BDH có thể xuất bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung hàng hóa dịch vụ của Công ty NLQ2 và Công ty NLQ3 nên đã thỏa thuận mua hóa đơn của BDH với giá 8% và bán lại cho khách hàng có nhu cầu với giá 8,5%/giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn chưa tính thuế giá trị gia tăng để hưởng lợi.

Khi có khách hỏi mua hóa đơn giá trị gia tăng, NTL liên lạc với BDH để trao đổi các thông tin ghi trên hóa đơn như khách hàng yêu cầu. Sau đó BDH sẽ chỉ đạo LTTH viết các nội dung hàng hóa dịch vụ vào hóa đơn và tiền hàng như khách yêu cầu. BDH là người ký tên tại mục "thủ trưởng đơn vị" còn LTTH là người ký tên tại mục "người bán hàng". Sau đó BDH hoặc LTTH sẽ đưa hóa đơn cho NTL để NTL giao lại cho khách. Đối với những hóa đơn trên 20.000.000 đồng khách hàng sẽ chuyển khoản tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn vào tài khoản Ngân hàng của Công ty NLQ2 hoặc Công ty NLQ3 để hợp thức hóa giao dịch. Sau đó LTTH sẽ sử dụng ủy nhiệm chi hoặc séc để rút tiền từ Ngân hàng đưa cho NTL trả lại khách mua hóa đơn.

Quá trình điều tra đã xác định được từ khoảng tháng 6-2019 đến khi bị bắt quả tang, BDH đã bán cho NTL 28 (Hai mươi tám) tờ hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung hàng hóa dịch vụ cho nhiều khách hàng. Những khách hàng này NTL không biết rõ tên tuổi, địa chỉ ở đâu. Tổng giá trị hàng hóa dịch vụ chưa tính thuế giá trị gia tăng ghi khống trên 28 tờ hóa đơn là 1.333.271.000 *(Một tỷ ba trăm ba ba triệu, hai trăm bảy mốt nghìn)* đồng. NTL bán 28 tờ hóa đơn nhưng thực tế khách hàng chỉ trả trước cho NTL 25.000.000 *(hai mươi lăm triệu)* đồng tiền mua hóa đơn và hẹn khi nào quyết toán thuế xong sẽ thanh toán toàn bộ tiền mua hóa đơn như đã thỏa thuận. NTL đã trả cho BDH 15.000.000 *(mười lăm triệu)* đồng

tiền mua hóa đơn. Còn lại NTL được hưởng lợi 10.000.000 *(mười triệu)* đồng từ việc bán trái phép hóa đơn và đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngoài bán 28 tờ hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung hàng hóa dịch vụ cho NTL, BDH còn xuất bán 09 (chín) tờ hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung hàng hóa dịch vụ cho nhiều khách hàng (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) với giá 8%/giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn chưa tính thuế giá trị gia tăng. Tổng giá trị hàng hóa dịch vụ ghi trên 09 tờ hóa đơn là 583.938.000 *(năm trăm tám ba triệu chín trăm ba tám nghìn)* đồng, khách đã trả cho BDH 5.000.000 *(năm triệu)* đồng tiền mua hóa đơn. Ngoài ra BDH còn khai có xuất hóa đơn giá trị gia tăng có hàng hóa dịch vụ thật nhưng ghi giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn cao hơn giá trị hàng hóa thực tế mua bán để thu lời 400.000 *(bốn trăm nghìn)* đồng. BDH không nhớ cụ thể đã xuất bán những số hóa đơn nào, gồm bao nhiêu hóa đơn giá trị gia tăng có hàng hóa dịch vụ thật nhưng ghi giá trị hàng hóa cao hơn thực tế.

Như vậy quá trình mua bán trái phép hóa đơn BDH được hưởng lợi tổng tiền là 20.400.000 *(hai mươi triệu bốn trăm nghìn)* đồng. Trong đó BDH cho LTTH 2.000.000 *(hai triệu)* đồng, số tiền còn lại 18.400.000 *(mười tám triệu bốn trăm nghìn)* đồng BDH chi tiêu cá nhân hết.

Khám xét khẩn cấp nơi làm việc của BDH tại địa chỉ số 56, đường A, phường W, quận B thu giữ: 01 dấu tròn của Công ty Trách nhiệm hữu hạn NLQ3 MSDN: 0201913063 và dấu chức danh Giám đốc X; 01 dấu tròn của Công ty Trách nhiệm hữu hạn NLQ2 MSDN: 0201725775 và dấu chức danh Giám đốc BDH; 02 dấu chữ ký; 05 dấu khác gồm: "đã thu tiền", "sao y bản chính", "bán hàng qua điện thoại", "G" và dấu "Công ty TNHH NLQ2, MST 0201725775"; 07 quyển hóa đơn của Công ty NLQ2 trong đó có 06 quyển hóa đơn đã qua sử dụng và 01 quyển hóa đơn chưa sử dụng; 10 quyển hóa đơn của Công ty NLQ3 trong đó có 07 quyển hóa đơn đã qua sử dụng và 03 quyển hóa đơn chưa sử dụng; các bìa Clear bag bên trong có tài liệu, chứng từ của Công ty NLQ2 và Công ty NLQ3.

Tại Kết luận giám định số 155/KLGĐ ngày 09-12-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ viết nội dung trên các tờ hóa đơn và chữ ký mang tên "LTTH" tại mục "Người bán hàng" so với chữ viết, chữ ký của LTTH trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra; Chữ ký mang tên "giám đốc BDH" tại mục: "Thủ trưởng đơn vị"và chữ ký mang tên "BDH" dưới mục "Người cung cấp" so với chữ ký của BDH trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Kết luận giám định số 2948/C09-P5 ngày 22-4-2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ ký "Mai" dưới mục "Người bán hàng" trên các mẫu cần giám định so với chữ ký "Mai" trên mẫu so sánh do LTTH cung cấp là cùng một người ký ra.

Vật chứng của vụ án: Toàn bộ đồ vật, tài liệu thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi làm việc của BDH và số tiền 14.650.000 (mười bốn triệu sáu trăm năm mười nghìn) chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, cụ thể: BDH nộp 18.400.000 *(mười tám triệu bốn trăm nghìn)* đồng, NTL nộp 9.000.000 *(chín triệu)* đồng và LTTH nộp 2.000.000 *(hai triệu)* đồng.

Cáo trạng số 46/CT-VKSHB ngày 15-6-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo BDH và LTTH về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo NTL về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước" theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an và Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng; vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo BDH từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo LTTH từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo NTL từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng, án phí: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Về thu lời bất chính: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo BDH tự nguyện giao nộp số tiền 18.400.000 đồng, NTL tự nguyện giao nộp số tiền 9.000.000 đồng và LTTH tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được bị cáo BDH thu lời bất chính là 18.400.000 đồng; bị cáo NTL thu lời bất chính là 10.000.000 đồng và bị cáo LTTH thu lời bất chính là 2.000.000 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 18.400.000 đồng đã thu giữ của bị cáo BDH và số tiền 2.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo LTTH. Đối với bị cáo NTL thu lời bất chính số tiền là 10.000.000 đồng, bị cáo đã nộp 9.000.000 đồng nên bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 1.000.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng:

- Trả lại Công ty NLQ2: 01 dấu tròn Công ty NLQ2 MSDN: 0201725775 và 01 dấu chức danh Giám đốc BDH; 02 dấu chữ ký và 05 dấu khác gồm: "đã thu tiền", "sao y bản chính", "bán hàng qua điện thoại", "G" và dấu "Công ty TNHH NLQ2, MST 0201725775"; 07 quyển hóa đơn của Công ty NLQ2 (06 quyển đã qua sử dụng; 01 quyển chưa qua sử dụng) và các bìa Clear bag bên trong có tài liệu, chứng từ của Công ty NLQ2.

- Trả lại Công ty NLQ3: 01 dấu tròn Công ty NLQ3 MSDN: 0201913063 và 01 dấu chức danh Giám đốc X; 10 quyển hóa đơn của Công ty NLQ3 (07 quyển đã qua sử dụng; 03 quyển chưa qua sử dụng) và các bìa Clear bag bên trong có tài liệu, chứng từ của Công ty NLQ3

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 8.425.000 đồng và trả lại cho chị NLQ1 số tiền 6.225.000 đồng.

+ Về án phí: Các bị cáo đều phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với anh NLC được người đàn ông thuê đi lấy hóa đơn của người phụ nữ tại Bến xe AF. Anh NLC khai nhận được người đó nói cho biết 03 tờ hóa đơn đó là hóa đơn khống nhưng do số lượng hóa đơn không đủ truy cứu trách nhiệm hình sự nên đã bị xử lý hành chính.

Đối với người nam giới thuê anh NLC đi lấy hóa đơn và người phụ nữ giao hóa đơn cho anh NLC tại bến xe AF hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với chị NLQ1 được thuê đến gặp NTL để lấy tài liệu. Chị NLQ1 không biết, không tham gia vào việc mua bán hóa đơn nên không xử lý hình sự. Người thuê chị NLQ1 đi lấy hóa đơn hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với các doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty NLQ2 và Công ty NLQ3 để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào. Căn cứ tài liệu điều tra chưa xác định được hành vi vi phạm của các Công ty trên, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Tại phiên tòa, người làm chứng là anh NLC;người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị NLQ1 và người đại diện Công ty NLQ3 đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; các bị cáo và Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người làm chứng và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án do trước đó những người này đều đã có lời khai tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các Kết luận giám định, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6-2019 đến khi bị bắt giữ, bị cáo BDH đã có hành vi quản lý và điều hành Công ty NLQ2 và Công ty NLQ3 để xuất bán trái phép hóa đơn. BDH thuê và chỉ đạo bị cáo Nguyễn Thị Thu LTTH trực tiếp viết 37 tờ hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung hàng hóa với tổng giá trị là 1.917.209.000 đồng và thu lời bất chính số tiền 18.400.000 đồng. LTTH đã thực hiện hành vi giúp sức cho BDH trong việc thực hiện mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên và hưởng lợi bất chính số tiền 2.000.000 đồng do được BDH cho riêng ngoài khoản tiền lương được trả hàng tháng. Bị cáo NTL đã mua của BDH 28 tờ hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung hàng hóa với tổng giá trị là 1.333.271.000 đồng và bán lại cho các khách hàng để thu lời bất chính số tiền 10.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo BDH, LTTH và NTL đã đồng phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng bàng đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Vì vậy, phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

- Về tính tiết định khung hình phạt:

[5] Các bị cáo BDH và LTTH trong đã có hành vi bán 37 hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống hàng hóa để thu lời bất chính tổng số tiền 20.400.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo: BDH và LTTH đã phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ

luật Hình sự. Bị cáo NTL đã có hành vi mua của bị cáo BDH 28 tờ hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung hàng hóa với tổng giá trị là 1.333.271.000 đồng và thu lời bất chính số tiền 10.000.000 đồng nên đã phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội và đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính; bị cáo BDH và bị cáo LTTH đã tự ra đầu thú nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo BDH có ông ngoại tham gia kháng chiến và là Liệt sĩ và được tặng thưởng Huân huy chương nên có thể coi đây là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo NTL nhân thân chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về vai trò của các bị cáo trong vụ án và áp dụng hình phạt: Vụ án có đồng phạm, do đó cần phân hóa vai trò của các bị cáo để có căn cứ áp dụng hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và vai trò của các bị cáo.

[8] Trong vụ án, bị cáo BDH là Giám đốc của Công ty NLQ2 và là người điều hành Công ty NLQ3 thay cho em trai là X là giám đốc và đang bị ốm. Bị cáo là người trực tiếp thực hiện giao dịch với bị cáo NTL về việc mua bán trái phép hóa đơn và số tiền hưởng lợi bất chính của bị cáo cũng là lớn nhất so với các đồng phạm nên bị cáo BDH có vai trò chính trong vụ án.

[9] Bị cáo LTTH được bị cáo BDH thuê làm công việc kế toán, được trả lương hàng tháng, chịu sự điều hành trực tiếp của bị cáo BDH trong việc xuất bán trái phép 38 tờ hóa đơn và được bị cáo BDH cho số tiền 2.000.000 đồng từ việc mua bán hóa đơn, nên bị cáo LTTH tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo BDH và do vậy tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo LTTH là thấp hơn so với bị cáo BDH.

[10] Bị cáo NTL đã trực tiếp giao dịch mua hóa đơn của bị cáo BDH và bán lại cho người khác để hưởng lợi bất chính số tiền chênh lệch là 10.000.000 đồng. Do vậy bị cáo NTL là đồng phạm giúp sức cho bị cáo BDH nên có vai trò thấp hơn bị cáo BDH. Do bị cáo NTL chỉ mua bán dưới 30 tờ hóa đơn nên bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 203 của Bộ Luật Hình sự, nhưng đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo NTL là cao hơn và tích cực hơn so với bị cáo LTTH.

[11] Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đều chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo mà không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ tính răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

- Về các vấn đề khác:

[12] Đối với anh NLC được một người đàn ông thuê đi lấy hóa đơn cùng tài liệu từ một người phụ nữ tại Bến xe AF. Tại Cơ quan điều tra anh NLC khai nhận được người đàn ông trên nói cho biết 03 tờ hóa đơn được thuê đi lấy là hóa đơn khống không có hàng hóa dịch vụ. Nhưng do số lượng hóa đơn không đủ truy cứu trách nhiệm hình sự nên chuyển xử lý hành chính là có căn cứ.

[13] Đối với người nam giới thuê anh NLC đi lấy hóa đơn và người phụ nữ giao hóa đơn cho anh NLC tại bến xe AF hiện chưa xác định được nhân thân và lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[14] Đối với chị NLQ1 được thuê đến địa chỉ 56 A, W gặp NTL để lấy tài liệu. Chị NLQ1 không biết, không tham gia vào việc mua bán hóa đơn nên không xử lý hình sự. Người thuê chị NLQ1 đi lấy hóa đơn hiện chưa xác định được nhân thân và lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[15] Đối với các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty NLQ2 và Công ty NLQ3 để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào, căn cứ tài liệu điều tra chưa xác định được hành vi vi phạm của các Công ty trên, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[16] Về thu lợi bất chính: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo BDH đã tự nguyện nộp số tiền 18.400.000 đồng, bị cáo LTTH đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng và bị cáo NTL đã tự nguyện nộp số tiền 9.000.000 đồng, để khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền BDH thu lời bất chính 18.400.000 đồng; bị cáo LTTH thu lời bất chính 2.000.000 đồng và bị cáo NTL thu lời bất chính 10.000.000 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền mà các bị cáo đã giao nộp nêu trên và buộc bị cáo NTL phải nộp tiếp số tiền 1.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[17] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý các vật chứng, cụ thể như sau:

- Trả lại Công ty NLQ2: 01 dấu tròn Công ty NLQ2 MSDN: 0201725775 và 01 dấu chức danh Giám đốc BDH; 02 dấu chữ ký và 05 dấu khác gồm: "đã thu tiền", "sao y bản chính", "bán hàng qua điện thoại", "G" và dấu "Công ty TNHH NLQ2, MST 0201725775"; 07 quyển hóa đơn của Công ty NLQ2 (06 quyển đã qua sử dụng; 01 quyển chưa qua sử dụng) và các bìa Clear bag bên trong có tài liệu, chứng từ của Công ty NLQ2.

- Trả lại Công ty NLQ3: 01 dấu tròn Công ty NLQ3 MSDN: 0201913063 và 01 dấu chức danh Giám đốc X; 10 quyển hóa đơn của Công ty NLQ3 (07 quyển đã qua sử dụng; 03 quyển chưa qua sử dụng) và các bìa Clear bag bên trong có tài liệu, chứng từ của Công ty NLQ3.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 8.425.000 đồng đã được sử dụng vào việc giao dịch mua bán trái phép hóa đơn và trả lại cho chị NLQ1 số tiền 6.225.000 đồng.

[18] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Phạt tiền bị cáo BDH số tiền 220.000.000 *(hai trăm hai mươi triệu)* đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

Phạt tiền bị cáo LTTH số tiền 210.000.000 *(hai trăm mười triệu)* đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35; các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo NTL số tiền 100.000.000 *(một trăm triệu)* đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với BDH, LTTH và NTL.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính đã thu của bị cáo BDH với số tiền 18.400.000 *(mười tám triệu bốn trăm nghìn)* đồng;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính đã thu của bị cáo LTTH với số tiền 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính thu của bị cáo NTL với số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo đã nộp được số tiền 9.000.000 *(chín triệu)* đồng nên còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.000.000 *(một triệu)* đồng.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 8.425.000 *(tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng.

- Trả lại Công ty NLQ2: 01 dấu tròn Công ty NLQ2 MSDN: 0201725775 và 01 dấu chức danh Giám đốc BDH; 02 dấu chữ ký và 05 dấu khác gồm: "đã thu tiền", "sao y bản chính", "bán hàng qua điện thoại", "G" và dấu "Công ty TNHH NLQ2, MST 0201725775"; 07 quyển hóa đơn của Công ty NLQ2 (06 quyển đã qua sử dụng; 01 quyển chưa qua sử dụng) và các bìa Clear bag bên trong có tài liệu, chứng từ của Công ty NLQ2.

- Trả lại Công ty NLQ3: 01 dấu tròn Công ty NLQ3 MSDN: 0201913063 và 01 dấu chức danh Giám đốc X; 10 quyển hóa đơn của Công ty NLQ3 (07 quyển đã qua sử dụng; 03 quyển chưa qua sử dụng) và các bìa Clear bag bên trong có tài liệu, chứng từ của Công ty NLQ3;

- Trả lại cho chị NLQ1 số tiền 6.225.000 *(sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản bàn giao và Biên lai thu tiền số: AA/2010/7734 ngày 01-7-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng giữa Công an quận Hồng Bàng và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; và theo Uỷ nhiệm chi chuyển khoản số 36 lập ngày 05-7-2021 từ tài khoản Công an quận Hồng Bàng đến tài khoản Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng với số tiền là 29.400.000 đồng là tiền khắc phục hậu quả).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo: BDH, LTTH và NTL đều phải nộp mỗi người 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP. Hải Phòng;
- Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của các bị cáo;
- Các bị cáo; người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Kiên